

Làm văn

TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

I/ Tìm hiểu bài

1. Thế nào là văn bản hành chính?

Xem 3 văn bản báo cáo SGK / 107, 108, 109

a) Văn bản thông báo

- Cấp trên gửi cấp dưới
- Phổ biến một nội dung, yêu cầu

b) Văn bản đề nghị

- Cấp dưới gửi cấp trên
- Trình bày nguyện vọng, ý kiến

b) Văn bản báo cáo

- Cấp dưới gửi cấp trên
- Tổng kết công việc đã làm.

-> **Văn bản hành chính**

2. Trình bày

Theo mẫu nhất định

- Quốc hiệu và tiêu ngữ
- Địa điểm, ngày, tháng, năm.
- Tên văn bản
- Nơi nhận văn bản
- Nơi gửi văn bản
- Nội dung văn bản
- Kí tên, ghi rõ họ tên người

II/ Ghi nhớ

Học SGK/ 110.

III/ Luyện tập

Xác định những tình huống viết văn bản hành chính, tên các loại văn bản:

- Trường hợp 1, 2, 4, 5 -> viết văn bản hành chính: Thông báo (1), Báo cáo (2), Đơn xin phép nghỉ học (4), Đề nghị (5).

- Trường hợp 3 và 6 -> không dùng văn bản hành chính vì:

(3): Ghi lại những xúc động của mình thì thường dùng phương thức biểu cảm.

(6): Phải dùng phương thức kể và tả để tái hiện lại buổi tham quan cho bạn nghe.

Đọc thêm

Quan Âm Thị Kính

Theo Đỗ Bình Trị - Hoàng Hữu Yên

I/ Đọc - Hiểu chú thích

- Thể loại: Chèo (Xem SGK/ 118)
- Tóm tắt nội dung vở chèo “Quan Âm Thị Kính” (Xem SGK/ 111).
- Trích đoạn: “Nỗi oan hại chồng” thuộc phần 1 của vở chèo.

II/ Đọc- Hiểu văn bản

1. Nghệ thuật: Ngôn ngữ thể hiện được đặc điểm nhân vật.

2. Nội dung:

Vở chèo và đoạn trích này thể hiện được những phẩm chất tốt đẹp cùng nỗi oan bi thảm, bế tắc của người phụ nữ và những đối lập giai cấp thông qua xung đột gia đình, hôn nhân trong xã hội phong kiến.

TLV

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

I/ Tìm hiểu bài

Xem 2 văn bản SGK/ 124, 125

1. Mục đích

- 1) Học sinh đề nghị cô giáo cho sơn lại bảng đen.
- 2) Các gia đình đề nghị UBND phường giải quyết vấn đề vệ sinh môi trường tại địa phương.

-> *Đưa ra một yêu cầu, quyền lợi chính đáng*

-> **Văn bản đề nghị**

2. Dàn mục lục văn bản đề nghị

(SGK/ 126)

3. Lưu ý:

(SGK/ 126)

II/ Ghi nhớ

Học SGK/ 126.

III/ Luyện tập

- 1) Nhận xét, so sánh lí do viết đơn và lí do viết đề nghị:
 - + Giống nhau: cả 2 đều là những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng.
 - + Khác nhau:
 - + Đơn xin phép -> nguyện vọng của 1 cá nhân.
 - + Giấy đề nghị -> nhu cầu của 1 tập thể.
- 2) BTVN: Viết 1 văn bản đề nghị (vở BT)

Tiếng Việt:

DẤU GẠCH NGANG

I/ Tìm hiểu bài

1. Công dụng

Xét các VD I SGK / 129, 130

VD a)

-> Đánh dấu bộ phận chủ thích

VD b)

-> Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật

VD c)

-> Liệt kê

VD d)

-> Nối các từ trong một liên danh

2. Phân biệt dấu gạch ngang với dấu gạch nối:

VD1: Hà Nội _ Vinh

-> Dấu gạch ngang

VD2 : Va - ren, An - đéc - xen

-> Nối các tiếng trong từ mượn

-> Dấu gạch nối

II/ Ghi nhớ

Học SGK/ 130.

III/ Luyện tập

1) Nêu công dụng của các dấu gạch ngang

a, b) Đánh dấu bộ phận chủ thích, giải thích trong câu.

c) Dấu thứ nhất trong mỗi câu dùng đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. Dấu thứ 2 trong mỗi câu dùng để đánh dấu bộ phận chủ thích, giải thích.

d, e) Nối các từ nằm trong 1 liên danh.

2) Nêu công dụng của dấu gạch nối.

+ Có 6 dấu gạch nối (kể cả phần tên tác giả) dùng để nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng.

3) Đặt câu.

+ Thị Kính – một người phụ nữ hiền lành, hết lòng yêu thương chồng – đã phải gánh chịu một nỗi oan thảm khốc.

+ Chuyến tàu Hà Nội – TP Hồ Chí Minh đã chuyển bánh đưa đoàn thiếu nhi vượt hàng nghìn km đến với thủ đô thân yêu dự liên hoan Thiếu Nhi Toàn Quốc.

Luyện tập thêm

1. Dòng nào giúp em nhận diện được dấu gạch nối một cách đầy đủ?

- A. Dấu gạch nối không phải là một dấu câu.
- B. Dấu gạch nối chỉ dùng để nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng.
- C. Dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang.
- D. Cả A, B và C.

2. Dòng nào không nói lên công dụng của dấu gạch ngang?

- A. Đặt ở giữa câu để tách bộ phận chú thích, giải thích trong câu.
- B. Để nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng.
- C. Để nối các từ cùng nằm trong một liên danh.
- D. Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê.

NỘI DUNG DẠY HỌC TOÁN 7 - TUẦN 11 (12/04 - 16/04)

Số học : Tiết 57, 58 : Chương 4 : Biểu thức đại số

TIẾT 57: ĐA THỨC MỘT BIẾN

* Định nghĩa : Đa thức một biến là tổng của những đơn thức cùng một biến.

$$\text{Ví dụ : } A = 3x^3 + 2x + 1$$

$$B = -5y^2 + 3y - 10$$

Bậc của đa thức một biến là số mũ lớn nhất của biến trong đa thức đó.

Ví dụ : $A = 3x^3 + 2x + 1$ có bậc bằng 3.

$B = -5y^2 + 3y - 10$ có bậc bằng 2.

Mỗi số thực là một đa thức một biến.

* Sắp xếp một đa thức : Để sắp xếp đa thức trước hết cần thu gọn đa thức.

Ví dụ :

$$\text{Cho đa thức } P = 7x^2 - 12x^4 + 5x - 2x^3 + 2.$$

Khi xếp theo lũy thừa tăng của biến, ta có :

$$P = 2 + 5x + 7x^2 - 2x^3 - 12x^4.$$

Khi xếp theo lũy thừa giảm của biến, ta có :

$$P = -12x^4 - 2x^3 + 7x^2 + 5x + 2.$$

Hệ số

$$\text{Xét đa thức } P(x) = 6x^5 + 7x^3 - 3x + \frac{1}{2}.$$

Đó là một đa thức đã thu gọn. Ta nói 6 là hệ số của lũy thừa bậc 5 ; 7 là hệ số của lũy thừa bậc 3 ; -3 là hệ số của lũy thừa bậc 1 ; $\frac{1}{2}$ là hệ số của lũy thừa bậc 0 (còn gọi là *hệ số tự do*). Vì bậc của đa thức $P(x)$ bằng 5 nên hệ số của lũy thừa bậc 5 còn gọi là *hệ số cao nhất*.

Chú ý :

Còn có thể viết đa thức $P(x)$ đầy đủ từ lũy thừa bậc cao nhất đến lũy thừa bậc 0 là :

$$P(x) = 6x^5 + 0x^4 + 7x^3 + 0x^2 - 3x + \frac{1}{2}.$$

Vì thế, ta nói hệ số của các lũy thừa bậc 4, bậc 2 của $P(x)$ bằng 0.

TIẾT 58: CỘNG TRỪ ĐA THỨC MỘT BIẾN

1/ Cộng hai đa thức một biến

Ví dụ :

Tính tổng của hai đa thức sau :

$$P(x) = -4x^4 + 9x^2 + \frac{1}{2} \qquad Q(x) = 3x^4 - 7x^3 + 2x^2 - 5x + \frac{7}{2}$$

$$\begin{aligned} P(x) + Q(x) &= (-4x^4 + 9x^2 + \frac{1}{2}) + (3x^4 - 7x^3 + 2x^2 - 5x + \frac{7}{2}) \\ &= -4x^4 + 9x^2 + \frac{1}{2} + 3x^4 - 7x^3 + 2x^2 - 5x + \frac{7}{2} \\ &= (-4x^4 + 3x^4) - 7x^3 + (9x^2 + 2x^2) - 5x + (\frac{1}{2} + \frac{7}{2}) \\ &= -x^4 - 7x^3 + 11x^2 - 5x + 4. \end{aligned}$$

2/ Trừ hai đa thức một biến

Ví dụ : Tính $P(x) - Q(x)$ với

$$P(x) = -4x^4 + 9x^2 + \frac{1}{2} \qquad Q(x) = 3x^4 - 7x^3 + 2x^2 - 5x + \frac{7}{2}$$

$$\begin{aligned} P(x) - Q(x) &= (-4x^4 + 9x^2 + \frac{1}{2}) - (3x^4 - 7x^3 + 2x^2 - 5x + \frac{7}{2}) \\ &= -4x^4 + 9x^2 + \frac{1}{2} - 3x^4 + 7x^3 - 2x^2 + 5x - \frac{7}{2} \\ &= (-4x^4 - 3x^4) + 7x^3 + (9x^2 - 2x^2) + 5x + (\frac{1}{2} - \frac{7}{2}) \\ &= -7x^4 + 7x^3 + 7x^2 + 5x - 3. \end{aligned}$$

Bài tập tự luyện :

Bài tập

39. Cho đa thức : $P(x) = 2 + 5x^2 - 3x^3 + 4x^2 - 2x - x^3 + 6x^5$.
- Thu gọn và sắp xếp các hạng tử của $P(x)$ theo lũy thừa giảm của biến.
 - Viết các hệ số khác 0 của đa thức $P(x)$.
40. Cho đa thức $Q(x) = x^2 + 2x^4 + 4x^3 - 5x^6 + 3x^2 - 4x - 1$.
- Sắp xếp các hạng tử của $Q(x)$ theo lũy thừa giảm của biến.
 - Chỉ ra các hệ số khác 0 của $Q(x)$.
41. Viết một đa thức một biến có hai hạng tử mà hệ số cao nhất là 5, hệ số tự do là -1.
42. Tính giá trị của đa thức $P(x) = x^2 - 6x + 9$ tại $x = 3$ và tại $x = -3$.

44. Cho hai đa thức : $P(x) = -5x^3 - \frac{1}{3} + 8x^4 + x^2$

và $Q(x) = x^2 - 5x - 2x^3 + x^4 - \frac{2}{3}$.

Hãy tính $P(x) + Q(x)$ và $P(x) - Q(x)$.

45. Cho đa thức $P(x) = x^4 - 3x^2 + \frac{1}{2} - x$.

Tìm các đa thức $Q(x)$, $R(x)$, sao cho :

a) $P(x) + Q(x) = x^5 - 2x^2 + 1$.

b) $P(x) - R(x) = x^3$.

47. Cho các đa thức :

$$P(x) = 2x^4 - x - 2x^3 + 1$$

$$Q(x) = 5x^2 - x^3 + 4x$$

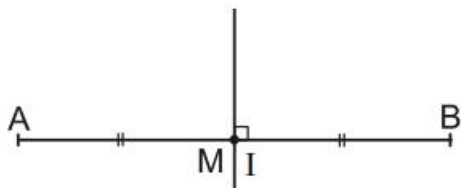
$$H(x) = -2x^4 + x^2 + 5.$$

Tính $P(x) + Q(x) + H(x)$ và $P(x) - Q(x) - H(x)$.

HÌNH HỌC :

Tiết 57, 58 : Tính chất đường trung trực của đoạn thẳng - Luyện tập

* Tính chất đường trung trực của đoạn thẳng



Định lý 1:

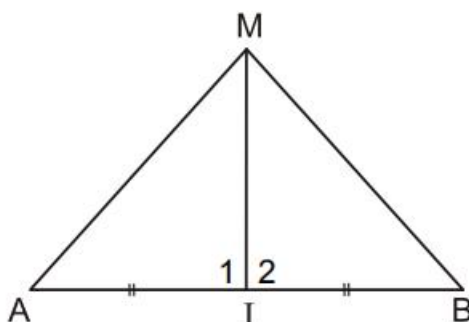
Điểm nằm trên đường trung trực của một đoạn thẳng thì cách đều hai mút của đoạn thẳng đó.

Cụ thể, nếu điểm M nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AB thì $MA = MB$

Định lý 2:

Điểm cách đều hai mút của một đoạn thẳng thì nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng đó.

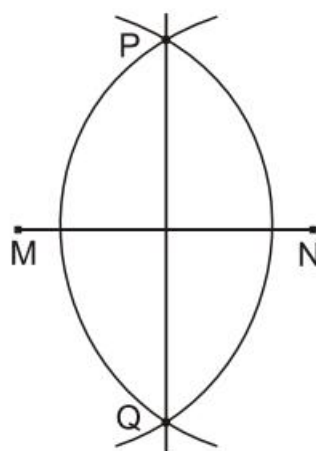
Cụ thể, nếu $MA = MB$ thì M nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AB.



Ứng dụng

Ta có thể vẽ đường trung trực của đoạn thẳng MN bằng thước thẳng và compa như sau (h. 43) :

- Lấy M làm tâm vẽ cung tròn bán kính lớn hơn $\frac{1}{2}MN$, sau đó lấy N làm tâm vẽ cung tròn có cùng bán kính đó sao cho hai cung tròn này có hai điểm chung, gọi là P và Q.
- Dùng thước vẽ đường thẳng PQ, đó là đường trung trực của đoạn thẳng MN.



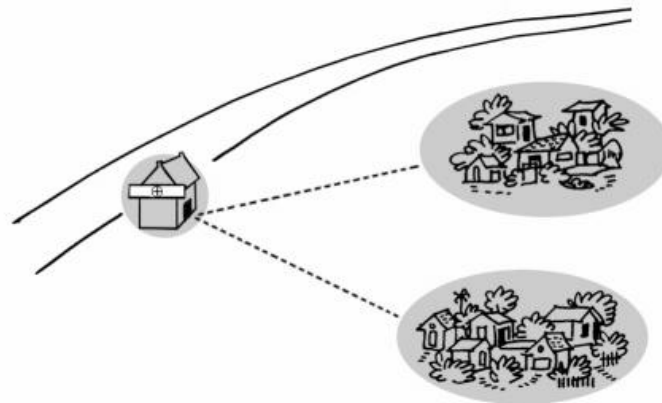
Hình 43

Bài tập

44. Gọi M là điểm nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AB. Cho đoạn thẳng MA có độ dài 5cm. Hỏi độ dài MB bằng bao nhiêu ?
47. Cho hai điểm M, N nằm trên đường trung trực của đoạn thẳng AB. Chứng minh $\triangle AMN = \triangle BMN$.
48. Hai điểm M và N cùng nằm trên một nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng xy. Lấy điểm L đối xứng với M qua xy. Gọi I là một điểm của xy. Hãy so sánh $IM + IN$ với LN.
49. Hai nhà máy được xây dựng bên cùng một bờ sông tại hai địa điểm A và B (h. 44). Hãy tìm trên bờ sông đó một địa điểm C để xây dựng trạm bơm đưa nước về cho hai nhà máy, sao cho độ dài đường ống dẫn nước là ngắn nhất.
50. Một con đường quốc lộ cách không xa hai điểm dân cư (h. 45). Hãy tìm bên đường đó một địa điểm để xây dựng một trạm y tế sao cho trạm y tế này cách đều hai điểm dân cư.



Hình 44



TIẾNG ANH 7 – TUẦN 11

NỘI DUNG

VOCABULARY

- 1- teenager /'ti:n,eiddʒə/ (n): thanh thiếu niên
- 2- surprising /sə'praiziŋ/ (adj): đáng ngạc nhiên
- 3- skateboard /'skeit,bɔ:d/ (v): trượt ván
- 4- skateboarding /'skeit,bɔ:diŋ/ (n): môn trượt ván
- 5- roller-skating /'roulə skeitiŋ/ (n): trượt pa-tin (giày trượt có bánh xe ở 4 góc)
- 6- roller- blading /roulə bleidiŋ/ (n): trượt patin (giày trượt có bánh xe dọc ở dưới)
- 7- choice /tʃɔis/ (n): sự lựa chọn
- 8- choose /tʃu:z/ (v): lựa chọn
- 9- athletics /æθ'letiks/ (n): môn điền kinh
- 10- swimmer /'swimə/ (n): người bơi- swim (v)
- 11- cyclist /'saiklist/ (n): người đi xe đạp
+ cycle /'saikl/ (v): đi xe đạp
- 12- skateboarder /'skeit,bɔ:də/ (n): người trượt ván
- 13- skillful /'skilful/ (adj): khéo tay → skillfully(adv)
- 14- bad (adj) → badly /'bædli/ (adv): kém, dở
- 15- take part in /teik pɑ:t in/ (v): tham gia
- 16- competition /,kɒmpi'tiʃn/ (n): cuộc thi/đua
- 17- district /'distrikt/ (n): quận, khu vực
- 18- prize /praiz/ (n): giải thưởng
- 19- organize /'ɔ:gənaiz/ (v): tổ chức
- 20- participant /pɑ:'tisipənt/ (n): người tham gia

Adverbs (Phó từ)

1) Phó từ là từ bổ nghĩa cho động từ, tính từ hay phó từ khác.

Ex: 1-He works carefully. →He is a careful worker.

2-She runs very quickly. →She is a very quick runner.

3-They are really good students. →They study really well.

- * 1. Work (v) → worker (n) công nhân
- 2. Run (v) → runner (n) người chạy
- 3. Jog (v) chạy bộ thể dục → jogger (n) người chạy bộ thể dục
- 4. Study (v) → student (n)
- 5. Drive (v) lái xe → driver (n)
- 6. Ride (v) chạy xe → rider (n)
- 7. Play (v) → player (n)
- 8. Dance (v) nhảy, múa → dancer (n) vũ công
- 9. cyclist /'saiklist/ (n): người đi xe đạp → cycle /'saikl/ (v): đi xe đạp
- 10. swimmer /'swimə/ (n): người bơi - swim (v)

2) Forms of Adverbs (Dạng của phó từ)

Các phó từ chỉ thể cách (adverbs of manner) được thành lập bằng cách thêm hậu tố từ -ly vào tính từ

Adjective + -ly => Adverb of Manner

Ex: slow — slowly ; quick — quickly ; careful — carefully

*Notes

1) Tính từ tận cùng là -y, đi trước là một phụ âm, ta đổi -y thành -i rồi thêm -ly.

Ex: happy - happily ; lazy - lazily ; easy - easily

2) Tính từ tận cùng là -ble / -ple. ta bỏ -e. thêm -ly.

Ex: noble - nobly ; simple - simply

3) Một số tính từ có dạng phó từ giống nhau như hard, fast, late, long. Phó từ của good là well.

Ex: a long dress

He stayed there long.

She is a good swimmer. → She swims well.

***Adjectives (Tính từ) là một từ bổ nghĩa cho các danh từ hay đại từ. Tính từ không thay đổi dạng, trừ các tính từ chỉ thị (demonstrative adjectives) this - these / that - those.**

Ex: An intelligent student.

This book is good. These books are good.

That pencil is long. Those pencils are long.

Positions of adjectives (Vị trí của tính từ)

EXERCISE

TRANSFORMATION:

1. He is a careful taxi driver.
→He drives
2. My sister is a very good student.
→My sister.....
3. They are very good soccer players.
→They play
4. He swims very skillfully.
→He is
5. His cousin runs very fast.
→His cousin
6. Mr. Pike plays tennis very well.
→Mr. Pike is ...
7. These boys dance very beautifully.
→These boys.....
8. Her friends are quick typists.
→Her friends type quickly.....
9. Lan is a skillful cyclist.
→Lan
10. Their children study very well.
→Their
children.....

VẬT LÝ 7 -TUẦN 11

BÀI 25: HIỆU ĐIỆN THẾ

1. Hiệu điện thế

- Nguồn điện tạo ra giữa hai cực của nó một hiệu điện thế.
- Hiệu điện thế được kí hiệu bằng chữ U.
- Đơn vị đo hiệu điện thế là vôn, kí hiệu là V.

+ Đối với hiệu điện thế có giá trị nhỏ, người ta dùng đơn vị milivôn, kí hiệu mV.

$$1 \text{ mV} = 0,001 \text{ V} \quad 1 \text{ V} = 1000 \text{ mV}$$

+ Đối với hiệu điện thế có giá trị lớn, người ta dùng đơn vị kilôvôn, kí hiệu là kV.

$$1 \text{ kV} = 1000 \text{ V} \quad 1 \text{ V} = 0,001 \text{ kV}$$

- Trên mỗi nguồn điện có ghi giá trị hiệu điện thế giữa hai cực của nó khi chưa mắc vào mạch.



Pin tiêu 1,2 V



Acquy 12V

2. Dụng cụ đo hiệu điện thế

- Để đo hiệu điện thế người ta dùng dụng cụ gọi là vôn kế.

+ Trên mặt vôn kế có ghi chữ V (số đo hiệu điện thế tính theo đơn vị V).

+ Có hai loại vôn kế: Vôn kế dùng kim và vôn kế hiện số (sử dụng đồng hồ đo điện đa năng).



Vôn kế dùng kim



Đồng hồ đo điện đa năng (đo vôn kế hiện số)

ADVERTISING
X

- Mỗi vôn kế đều có giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) xác định.

Vôn kế có
ĐCNN là 1V



Vôn kế có GHĐ
là 30V

- Kí hiệu vẽ Vôn kế là:

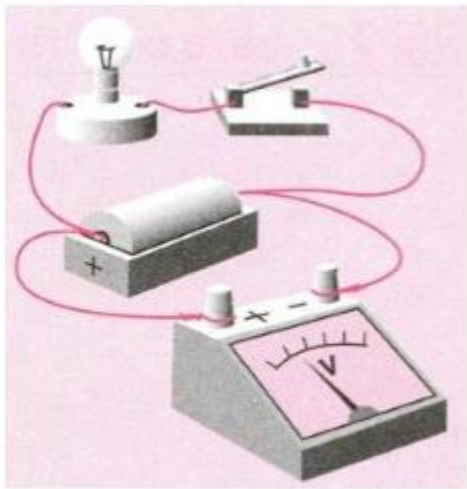


3. Đo hiệu điện thế

Khi sử dụng vôn kế đo hiệu điện thế cần lưu ý:

- Chọn Vôn kế có GHĐ và ĐCNN phù hợp với giá trị cần đo.

- Mắc Vôn kế song song với vật cần đo hiệu điện thế sao cho dòng điện đi vào chốt dương (+) và đi ra chốt (-) của Vôn kế (tức là chốt (+) của Vôn kế mắc về phía cực dương của nguồn điện còn chốt (-) của vôn kế mắc về phía cực âm của nguồn điện).



Hình 3.1

- Số chỉ của Vôn kế mắc song song với vật chính là giá trị của hiệu điện thế giữa hai đầu vật dẫn đó.

- Khi mắc trực tiếp hai chốt của Vôn kế vào hai cực của nguồn điện tức là đo hiệu điện thế giữa hai đầu của nguồn điện đó (hình 3.1)

SINH HỌC 7 -TUẦN 11

BÀI 56: CÂY PHÁT SINH GIỚI ĐỘNG VẬT

I. Bằng chứng về mối quan hệ giữa các nhóm động vật

Ngay từ đầu thế kỉ 19, người ta đã phát hiện ra những di tích của động vật trong các lớp đá, được gọi là di tích hóa thạch. Qua đó thấy được:

- Lưỡng cư cổ có nguồn gốc từ cá vây chân cổ vì lưỡng cư có các đặc điểm giống cá vây chân cổ như: vây đuôi, di tích nắp mang, thân có vây, nòng nọc giống cá.
- Chim cổ có nguồn gốc từ bò sát cổ vì chim cổ có các đặc điểm giống bò sát cổ: hàm có răng, có đuôi dài và ngón có vuốt.

Kết luận

- Di tích hóa thạch của các loài động vật cổ có nhiều đặc điểm giống động vật ngày nay
- Những loài động vật ngày nay có nhiều đặc điểm giống tổ tiên của chúng.

II. CÂY PHÁT SINH GIỚI ĐỘNG VẬT

- Cây phát sinh là một sơ đồ hình cây phát ra những nhánh từ một gốc chung (tổ tiên chung)
 - Từ các nhánh lại phát ra những nhánh nhỏ hơn từ những gốc khác nhau và tận cùng bằng một nhóm động vật.
 - Kích thước của các nhánh trên cây phát sinh càng lớn bao nhiêu thì số loài của nhánh đó càng nhiều bấy nhiêu.
 - Các nhóm có cùng nguồn gốc có vị trí gần nhau thì có quan hệ họ hàng gần với nhau hơn.
- Ví dụ:** Cá, Bò sát, Chim và Thú có quan hệ họ hàng gần với nhau hơn so với quan hệ họ hàng của chúng với Giáp xác, Nhện và Sâu bọ.

- **Ý nghĩa của cây phát sinh:** Qua cây phát sinh ta thấy được mức độ quan hệ họ hàng của các nhóm động vật với nhau, thậm chí còn so sánh được nhánh nào có nhiều hoặc ít loài hơn nhánh khác.

Bài 57: Đa dạng sinh học

I. Đa dạng sinh học động vật ở môi trường đới lạnh

- Ở gần địa cực khí hậu lạnh, băng đóng gần như quanh năm. Mùa hạ rất ngắn, là mùa hoạt động của mọi loài sinh vật. Cây cối thưa thớt, thấp lùn.
- Do khí hậu vô cùng khắc nghiệt nên chỉ có một số ít loài tồn tại, vì có những thích nghi đặc trưng như có bộ lông rậm và lớp mỡ dưới da rất dày để giữ nhiệt cho cơ thể và dự trữ năng lượng chống rét (gấu trắng, hải cẩu, cá voi, chim cánh cụt...).
- Nhiều loài chim, thú có tập tính di cư tránh rét, một số ngủ suốt mùa đông (gấu trắng) để tiết kiệm năng lượng.
- Nhiều loài (chồn, cáo, cú trắng) về mùa đông có bộ lông màu trắng để lẫn với tuyết, che mắt kẻ thù ; về mùa hè bộ lông chuyển sang màu nâu hay xám.

II. Đa dạng sinh học động vật ở môi trường hoang mạc đới nóng

- Khí hậu môi trường hoang mạc đới nóng rất nóng và khô. Các vực nước rất hiếm gặp, phân bố rải rác và rất xa nhau. Thực vật thấp nhỏ, xơ xác.
- Động vật gồm ít loài và có những thích nghi rất đặc trưng đối với khí hậu khô và nóng. Ví dụ: lạc đà có chân cao, móng rộng, không bị lún trong cát, có đệm thịt dày chống nóng.
- Động vật có khả năng nhịn khát giỏi, có khả năng đi xa để tìm nước. Mọi hoạt động chủ yếu thực hiện vào ban đêm, khi cái nóng đã dịu xuống. Nhiều loài bò sát và động vật nhỏ có tập tính chui rúc vào sâu trong cát để chống nóng.

→ Trên Trái Đất, môi trường đới lạnh và môi trường hoang mạc đới nóng là những môi trường có khí hậu khắc nghiệt nhất, động vật sống ở đó có những thích nghi đặc trưng và số loài ít, vì chỉ có những loài có khả năng chịu đựng được băng giá hoặc khí hậu rất khô và rất nóng mới tồn tại được.

LỊCH SỬ 7- TUẦN 11
LỊCH SỬ ĐỊA PHƯƠNG
BÀI 3: QUÁ TRÌNH SÁP NHẬP VÙNG ĐẤT SÀI GÒN
VÀO LÃNH THỔ ĐẠI VIỆT

I. Vùng đất Sài Gòn thế kỷ XVII

1) Vùng đất Sài Gòn sau gần một thế kỷ khai khẩn

- Dân cư đông đúc, ruộng đồng trù phú, vườn tược xanh tươi.
- Trên sông Bến Nghé và chợ Bãi Sao tàu buôn trong và ngoài nước buôn bán tấp nập.

2) Cuộc sống sung túc của những người đi khai hoang

- Vật chất: ở nhà tường, lợp ngói, ăn cơm với gạo tẻ, nếp trắng dẻo, thức ăn có tôm, cá, rau, đậu tươi non.

- Tinh thần:

+ Tín ngưỡng, tôn giáo: thờ cúng tổ tiên và những người có công khai hoang, lập làng (thành hoàng). Đình, miếu, chùa được xây dựng khắp nơi → là trung tâm sinh hoạt văn hóa.

+ Giáo dục: có các lớp học tại gia của các thầy đồ.

+ Văn hóa: hội hè, đình đám, đá gà, cá...

→ Cuối thế kỷ XVII Sài Gòn đã mang dáng dấp một trung tâm kinh tế, văn hóa.

II. “Dân làng mở đất trước, nhà nước đến cai trị sau”

- Năm 1623 chúa Nguyễn cho lập sở thuế.

- Năm 1679 cho lập đồn dinh và đặt quan cai trị.

- Năm 1698 Nguyễn Hữu Cảnh đi kinh lược vùng Nam Bộ, đặt phủ Gia Định → vùng Sài Gòn – Gia Định chính thức trở thành một đơn vị hành chính của nước ta.

ÔN TẬP

2-Kiểm tra bài cũ

-Trình bày các loại hình tôn giáo ở nước ta (XVI –XVIII)

-Chữ quốc ngữ ra đời như thế nào?

-Văn học nghệ thuật dân gian (XVI – XVIII) phát triển ra sao?

3-Bài mới

Câu 1:

Nêu tình hình chính trị – xã hội thời Lê sơ?

1-Triều đình nhà Lê:

-XVI: suy yếu , mục nát

-Biểu hiện

2-Phong trào khởi nghĩa của nông dân.

-Nguyên nhân dẫn đến các phong trào

-Lập biểu bảng thống kê tên các phong trào, kết quả

Câu 2:

Thế nào là chiến tranh Nam – Bắc Triều? Chiến tranh Trịnh – Nguyễn? Hậu quả?

a-Khái niệm

b-Diễn biến

c- Hậu quả

Câu 3:

Tình hình kinh tế nước ta (XVI - XVIII)?

1-Nông nghiệp

+Đàng ngoài:

-Kém phát triển

-Nguyên nhân

+Đàng Trong

-Phát triển

-Nguyên nhân

+Kết luận: Đánh giá công lao của chính quyền Đàng Trong, phê phán chính quyền Đàng ngoài.

2-Thủ công nghiệp

-Xuất hiện nhiều làng nghề thủ công

Gốm: Thổ Hà (Bắc Giang)

Bát Tràng (Hà Nội)

Dệt: La Khê (Hà Tây)

Rèn sắt: Nho Lâm (Nghệ An)

Hiền Lương (Huế)

3-Thương nghiệp

-Phát triển (cả trong và ngoài nước)

Câu 4: Tình hình văn hoá nước ta (XVI - XVIII)

1- Tôn giáo

2- Chữ quốc ngữ ra đời

3- Văn học

4- Nghệ thuật dân gian

=>Đánh giá về tình hình kinh tế văn hoá (XVI - XVIII) có những điểm gì mới.

ĐỊA LÍ 7- TUẦN 11

Bài 54: Dân cư xã hội châu Âu

1. Sự đa dạng về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hoá.

- Dân cư Châu Âu chủ yếu thuộc chủng tộc Ôrôpêôit gồm ba nhóm ngôn ngữ chính Giécman, Latinh, Xlavơ.
- Dân cư Châu Âu chủ yếu theo cơ đốc giáo, ngoài ra còn có một số vùng theo đạo Hồi.

2. Dân cư Châu Âu đang già đi, mức độ đô thị hoá cao.

- Số dân 727 triệu người, mật độ dân số trung bình 70 ng/km², phân bố dân cư không đồng đều, tập trung trong các đồng bằng, thung lũng và đặc biệt là các duyên hải.
- Châu Âu có mức độ đô thị hoá cao, tỉ lệ dân đô thị chiếm 75% dân số

HẾT

Bài 55: Kinh tế châu Âu

1. Nông nghiệp.

- Qui mô sản xuất nông nghiệp ở Châu Âu thường không lớn. Tổ chức sản xuất theo hai hình thức.

+ Hộ gia đình: Sản xuất theo hướng đa canh.

+ Trang trại: Sản xuất theo hướng chuyên môn hoá.

. Công nghiệp.

- Châu Âu là nơi tiến hành công nghiệp hoá sớm nhất trên thế giới với nhiều sản phẩm công nghiệp nổi tiếng chất lượng cao.

- Nhiều ngành công nghiệp mới, hiện đại đang được phát triển trong các trung tâm công nghệ cao.

3. Dịch vụ.

- Dịch vụ là lĩnh vực kinh tế phát triển nhất ở Châu Âu.

- Trong các ngành dịch vụ, du lịch là ngành quan trọng nhất

HẾT

BÀI 17: NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(TIẾT 1)

I. Thông tin – sự kiện: HS phân tích thông tin trong Sgk

II. Nội dung bài học:

a/ Phân công bộ máy nhà nước :

- **Bộ máy nhà nước:** Là hệ thống tổ chức bao gồm các cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp địa phương gồm 4 loại cơ quan:

+ **Cơ quan quyền lực nhà nước:** Quốc hội và HĐND các cấp (Tỉnh, huyện, xã).

+ **Cơ quan hành chính nhà nước:** bao gồm chính phủ và UBND các cấp.

+ **Cơ quan xét xử:** TAND tối cao, TAND tỉnh, huyện, toà án quân sự.

+ **Cơ quan kiểm sát:** Viện kiểm sát nhân dân (Tối cao, tỉnh, huyện, VKS quân sự).

- **Quốc hội:** Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất (cơ quan lập pháp) do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân

- **Chính phủ:** Cơ quan hành chính nhà nước cao nhất (cơ quan hành pháp) do quốc hội bầu ra.

- **Toà án nhân dân (cơ quan tư pháp) :** Cơ quan xét xử có nhiệm vụ giải quyết các tranh chấp và xét xử các vụ việc nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

- **Viện kiểm sát nhân dân (cơ quan kiểm soát):** có nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm soát các hoạt động tư pháp.

- **HĐND các cấp:** Cơ quan lập pháp ở địa phương : HĐND tỉnh (tp), HĐND quận (huyện), HĐND phường (xã).

- **UBND các cấp:** Cơ quan hành chính ở địa phương : UBND tỉnh (tp), UBND quận (huyện), UBND phường (xã).

b/ Phân cấp bộ máy nhà nước: 4 cấp: Trung ương, tỉnh (thành phố), quận (huyện) , phường (xã).

- Quốc hội, chính phủ, TAND tối cao, VKSND tối cao.

- HĐNH, UBND, TAND, VKSND tỉnh-thành phố.

- HĐNH, UBND, TAND, VKSND huyện (quận, thị xã)

- HĐND - UBND xã (Phường, thị trấn).

III. Luyện tập :

- HS làm các bài tập SGK

- Xử lý bài tập tình huống

IV. Dặn dò:

- Học bài và chuẩn bị tiết 2

- Làm các bài tập / SGK và các bài tập tình huống.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cơ quan hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội được gọi là ?

A. Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Hội đồng nhân dân.

D. Ủy ban nhân dân.

Đáp án: A

Câu 2: Để sửa đổi Luật Giáo dục, cơ quan nào có thẩm quyền quyết định?

- A. Chính phủ.
- B. Quốc hội.
- C. Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. Ủy ban nhân dân.

Đáp án: B

Câu 3: Cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp được gọi là?

- A. Chính phủ.
- B. Tòa án nhân dân.
- C. Viện Kiểm sát.
- D. Ủy ban nhân dân.

Đáp án: B

Câu 4: Cơ quan hành chính nhà nước bao gồm?

- A. Chính phủ và Hội đồng nhân dân các cấp.
- B. Chính phủ và Quốc hội.
- C. Chính phủ và Viện kiểm sát.
- D. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Đáp án: D

Câu 5: Các cơ quan quyền lực do nhân dân bầu ra, đại diện cho nhân dân đó là?

- A. Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.
- B. Chính phủ và Quốc hội.
- C. Chính phủ và Viện kiểm sát.
- D. Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp.

Đáp án: A

Câu 6: Nước ta đổi tên thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm nào?

- A. 1945
- B. 1954
- C. 1975
- D. 1976

Đáp án : D

Câu 7: Ai là chủ tịch nước đầu tiên của nước ta

- A. Phạm Văn Đồng
- B. Tôn Đức Thắng
- C. Hồ Chí Minh
- D. Trường Chinh

Đáp án : C

Câu 8: Trách nhiệm công dân với đất nước:

- A. Giám sát góp ý vào hoạt động của các đại biểu và các cơ quan đại diện do mình bầu ra.
- B. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật của nhà nước.

C. Giúp cán bộ nhà nước thi hành nhiệm vụ.

D. Tất cả các ý trên

Đáp án : D

Câu 9 : Theo luật quốc tịch Việt Nam, trường hợp nào sau đây trẻ em đều trở thành công dân Việt Nam:

A. Trẻ em khi sinh ra có cả bố và mẹ là công dân Việt Nam

B. Trẻ em sinh ra có bố là công dân Việt Nam, mẹ là công dân nước ngoài.

C. Trẻ em khi sinh ra có mẹ là công dân Việt Nam, bố là công dân nước ngoài.

D. Cả A, B, C đều đúng

Đáp án :D

Câu 10: Quyền của công dân không bao gồm :

A. Tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào

B. Tuân theo Hiến pháp và pháp luật.

C. Hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe

D. Tự do đi lại, cư trú

Đáp án : B

Câu 11: Thủ tướng chính phủ nước ta hiện nay là ai?

A. Ông Nguyễn Xuân Phúc.

B. Ông Trương Hòa Bình.

C. Ông Vũ Đức Đam.

D. Ông Phùng Xuân Nhạ.

Đáp án: A

Câu 12: Chủ tịch Quốc hội nước ta hiện nay là ai ?

- A. Bà Tòng Thị Phóng.
- B. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- C. Ông Vũ Đức Đam.
- D. Ông Trương Hòa Bình.

Đáp án:B

Câu 13 : Chủ tịch nước ta hiện nay là ai?

- A. Ông Nguyễn Phú Trọng.
- B. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- C. Ông Phùng Xuân Nhạ.
- D. Bà Nguyễn Kim Tiến.

Đáp án:A

Câu 14 : Bộ máy nhà nước bao gồm các cơ quan nào?

- A. Cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp địa phương.
- B. Cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp huyện.
- C. Cơ quan nhà nước cấp huyện và cấp xã.
- D. Cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp xã.

Đáp án:A

Câu 15: Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân Việt Nam và là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được gọi là ?

- A. Chính phủ.

B. Quốc hội.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam.

D. Ủy ban nhân dân.

Đáp án: B

CÔNG NGHỆ 7- TUẦN 11
BÀI 39: CHẾ BIẾN VÀ DỰ TRỮ THỨC ĂN
CHO VẬT NUÔI

I. Mục đích của việc chế biến và dự trữ thức ăn:

1. Chế biến thức ăn:

Tăng mùi vị, tăng tính ngon miệng để vật nuôi thích ăn, ăn được nhiều, dễ tiêu hóa, làm giảm bớt khối lượng, làm giảm độ thô cứng và khử bỏ các chất độc hại.

2. Dự trữ thức ăn:

Nhằm giữ thức ăn lâu hỏng và để luôn có đủ nguồn thức ăn cho vật nuôi.

II. Các phương pháp chế biến và dự trữ thức ăn:

1. Các phương pháp chế biến thức ăn:

Có nhiều cách chế biến thức ăn vật nuôi như:

- + Cắt ngắn
- + Nghiền nhỏ
- + Xử lý nhiệt
- + Đường hóa
- + Kiềm hóa
- + Ủ lên men
- + Tạo thành thức ăn hỗn hợp.

2. Một số phương pháp dự trữ thức ăn:

Thức ăn vật nuôi được dự trữ bằng phương pháp làm khô hoặc ủ xanh.

CÔNG NGHỆ 7- TUẦN 11

BÀI 40: SẢN XUẤT THỨC ĂN VẬT NUÔI

I. Phân loại thức ăn:

Dựa vào thành phần dinh dưỡng của thức ăn người ta chia thức ăn thành 3 loại:

- Thức ăn có hàm lượng prôtêin > 14% gọi là thức ăn giàu prôtêin.
- Thức ăn có hàm lượng gluxit > 50% gọi là thức ăn giàu gluxit
- Thức ăn có hàm lượng xơ > 30% gọi là thức ăn thô.

II. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu prôtêin:

Có các phương pháp như:

- Chế biến sản phẩm nghề cá.
- Nuôi giun đất.
- Trồng xen, tãng vụ cây họ Đậu.

III. Một số phương pháp sản xuất thức ăn giàu gluxit và thức ăn thô xanh:

- Sản xuất thức ăn giàu gluxit bằng cách luân canh, gối vụ để sản xuất ra thêm nhiều lúa, ngô, khoai, sắn.
- Sản xuất thức ăn thô xanh bằng cách tận dụng đất vườn, rừng, bờ mương để trồng nhiều loại cỏ, rau xanh cho vật nuôi.

MÔN ÂM NHẠC – ÂM NHẠC 7

Lớp 7 / Tuần 11 / Học Kỳ 2: Từ ngày 11/04 đến 16/04/2022.

Tiết 29: - Ôn tập Tập đọc nhạc: TĐN số 8

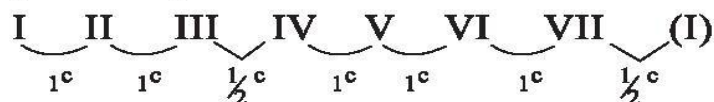
- Nhạc lí: Gam trưởng- giọng trưởng

- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Huy Du và bài hát *Đường chúng ta đi*

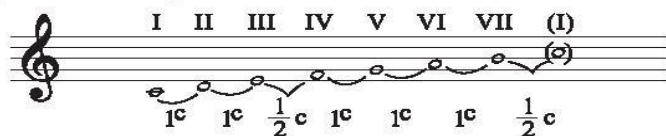
Nhạc lí GAM TRƯỞNG - GIỌNG TRƯỞNG

1. Gam trưởng

Gam trưởng là hệ thống 7 bậc âm được sắp xếp liên bậc, hình thành dựa trên công thức cung và nửa cung như sau :



Ví dụ : gam Đô trưởng

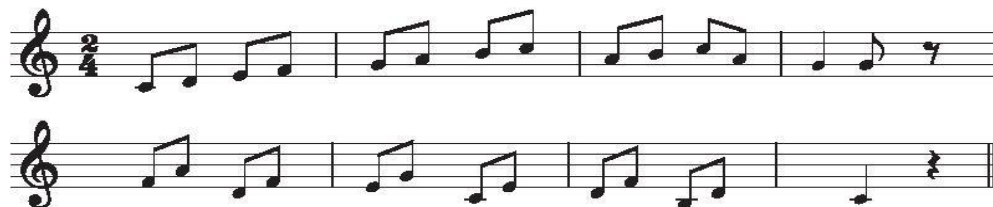


Âm ổn định nhất trong gam gọi là *âm chủ* (bậc I). Trong gam Đô trưởng, *âm chủ* là nốt Đô.

2. Giọng trưởng

Các bậc âm trong *gam trưởng* được sử dụng để xây dựng giai điệu một bài hát (hoặc một bản nhạc), người ta gọi đó là *giọng trưởng* kèm theo tên âm chủ.

Ví dụ : bài TĐN số 4 (lớp 6)



Bài nhạc trên viết ở giọng Đô trưởng, âm chủ là nốt Đô, hoá biểu không có dấu thăng, giáng ; nốt kết thúc của bài là nốt Đô.

Âm nhạc Đường thơ:
NHẠC SĨ HUY DŨ
VÀ BÀI HÁT ĐƯỜNG CHŨNG TA ĐI



1. Nhạc sĩ Huy Du

Ông sinh ngày 1-12-1925, quê ở huyện Tân Đức, tỉnh Bắc Ninh. Sinh ra ở một gia đình nông dân, ngay từ nhỏ đã theo cha mẹ đi có đầu in của đất trong tâm hồn của ông. Năm 1944, ông tham gia Thanh niên Cứu quốc. Từ thời kì đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, ông đã sáng tác những ca khúc nổi tiếng như: *Đời Frenchieu anh*, *Sự về Thủ đô*. Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ca khúc của ông càng lên đầy khí thế hào hùng, phóng khoáng và đậm chất trữ tình cách mạng như: *Đời anh binh quân (thơ Trần Hữu Thung)*, *Tên anh Trường Sơn anh hùng*, *Nổi lên lên anh (thơ Hoàng Lan)*, *Đường chúng ta đi (thơ Xuân Sách)*...

Nhạc sĩ Huy Du là một trong số những tác giả có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Ông đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật.

2. Bài hát Đường chúng ta đi

Nhạc sĩ Huy Du viết bài hát này vào năm 1968 giữa lúc cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước đang diễn ra ác liệt. Đó là bài hát có sắc sống hào hùng trong đời sống âm nhạc của nhân dân ta.

Bài hát viết ở nhịp $\frac{4}{4}$ và được chia làm 3 đoạn:

Đoạn một với nét nhạc đơn giản, mô tả đất nước tươi đẹp của chúng ta khi cuộc chiến tranh còn chưa gian nan, vất vả nhưng toàn dân vẫn tích cực xây dựng sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, hướng về ngày mai tươi sáng của dân tộc.

Đoạn hai với nốt trầm rơi xuống, diễn đạt như thúc giục quân và dân ta nhanh bước trên con đường giải phóng quê hương.

Đoạn ba trở lại với không khí âm nhạc tươi tắn như đoạn một. Ở đây giai điệu mang tính hào sảng, thể hiện toàn dân tích cực bước tới ngày toàn thắng. Có thể nói bài hát Đường chúng ta đi là một trong số những bài hát hay nhất được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

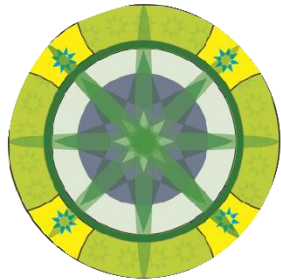
MĨ THUẬT 7 tuần 11

Vẽ trang trí

Trang Trí Đĩa Tròn

III. Thực hành:

Vẽ trang trí đĩa tròn đường kính 22 cm



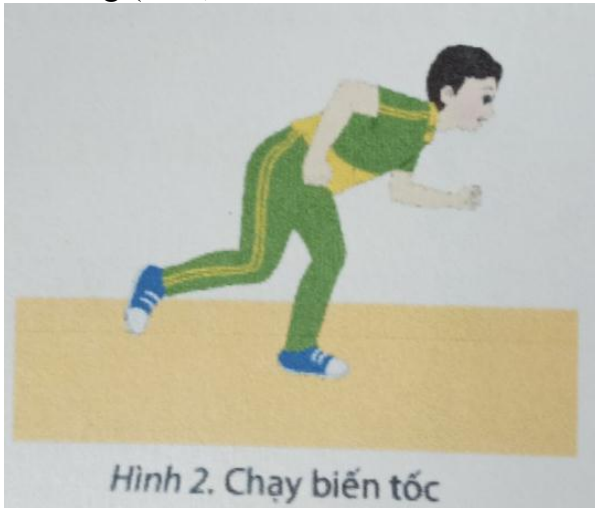
NỘI DUNG BÀI HỌC MÔN THỂ DỤC 7 - TUẦN 11 HKII

MÔN BÓNG RỔ

(Hướng dẫn HS tự học)

I. MỘT SỐ BÀI TẬP BỔ TRỢ DI CHUYỂN KHÔNG BÓNG:

1. Chạy biến tốc: khi muốn tăng tốc, thân trên ngả ra trước, nửa trên 2 bàn chân đạp mạnh về sau. Khi muốn chạy chậm lại, thân trên hơi ngả ra sau, chân bước dài, 2 tay thả lỏng (H.2)

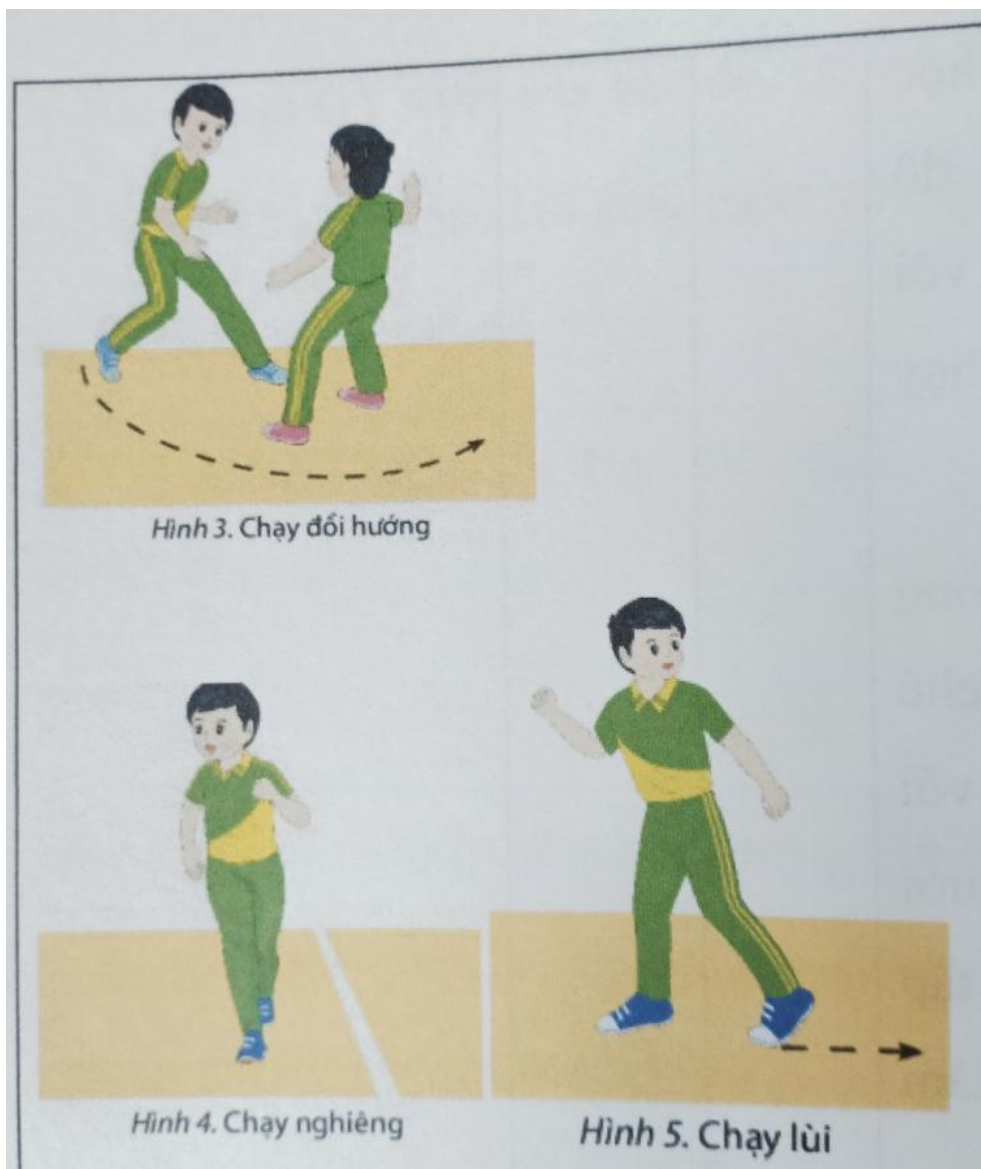


Hình 2. Chạy biến tốc

2. Chạy đổi hướng; đạp chân ngược với hướng muốn di chuyển xuống đất, xoay cả thân trên về hướng đó để di chuyển. (H.3)

3. Chạy nghiêng: thân trên ngả, 2 bàn chân luôn hướng về phía di chuyển và mặt quay về phía có bóng để quan sát. (H.4)

4. Chạy lùi: 2 đầu gối luôn gập, thân trên hơi ngả ra trước, lưng quay về hướng di chuyển. Mặt quay trái nhìn theo hướng di chuyển. (H.5)



II. Trò chơi vận động “cặp đôi ăn ý”:

TIN HỌC 7





TUẦN 11 (11/04/2022 ĐẾN 16/4/2022)

BÀI TẬP

Câu 1 : Để thêm cột trên trang tính ta thực hiện như sau:

- A. Insert / Rows
- B. Insert / Columns
- C. Table / Columns
- D. Table / Rows

Câu2 : Để di chuyển nội dung ô tính ta sử dụng nút lệnh nào sau đây?

- A.  (copy).
- B.  (cut).
- C.  (paste).
- D.  (new)

Câu 3 Để sao chép nội dung ô tính ta sử dụng nút lệnh nào sau đây?

- A. copy
- B. cut
- C. paste
- D. new.

Câu 4 Muốn xóa một hàng hoặc cột ta chọn hàng hoặc cột cần xóa rồi sử dụng lệnh nào sau đây?

- A. Edit / clear
- B. Edit / paste
- C. Edit / cut
- D. Edit / Delete

Câu5 Nội ý của cột A với mỗi ý ở cột B để có kết quả đúng.

A	B
1. chọn một ô	A. nháy chuột tại nút tên hàng
2. chọn một hàng	B. nháy chuột tại nút tên cột
3. chọn một cột	C. đưa con trỏ chuột tại nơi đó và nháy chuột.
4. chọn một khối	

--	--

Câu 6: Trong các nút lệnh     nút lệnh nào dùng để lưu bảng tính

- A.  B.  C.  D. 

Câu 7: Để in trang tính ta dùng lệnh?

- a. File/Print b. File/ Print Preview
c. Preview d. Edit/ Print Preview

Câu 8: Để thay đổi thông số lề dưới trong trang Margins ta thay đổi mục nào?

- a.Bottom b.Top c. Left d. Right

Câu 9: Để sắp xếp dữ liệu giảm dần ta dùng nút lệnh:

- a.  . b.  . c.  d. Cả a, b, c đều sai.

Câu 10: Để hiển thị toàn bộ danh sách nhưng vẫn ở chế độ lọc:

- a. Data/Filter/ Auto Filter b. Data/ Filter/ Show All
c. Data/ Show All d. d. Cả a, b, c đều sai

Thực hành:

Cho bảng tính:

	A	B	C	D	E	F	G
1	BẢNG ĐIỂM MÔN TIN HỌC CĂN BẢN						
2	STT	Họ và tên	THCB	WORD	EXCEL	Tổng điểm	Trung bình
3	1	Nguyễn Hảo Hớn	10	8.5	8	?	?
4	2	Trần Lạc Gia	7	9	8.5	?	?
5	3	Lý Nhược Đồng	9	8	6.5	?	?
6	4	Mai Trúc Lâm	9	8	5	?	?
7	5	Nguyễn Thị Thúy	7	9	10	?	?
8	6	Trần Mai Lan	7	6	5	?	?
9	7	Lý Thanh Thanh	6.5	9.5	7	?	?
10		Điểm cao nhất	?	?	?		
11		Điểm thấp nhất	?	?	?		

Yêu cầu:

- 1/ Nhập nội dung bảng tính theo mẫu trên.
- 2/ Lưu với tên và đường dẫn sau: D:\ Họ và tên học sinh - lớp
- 3/ Dùng hàm để tìm điểm cao nhất, điểm thấp nhất.
- 4/ Dùng hàm để tính tổng ba môn của mỗi học sinh
- 5/ Tính điểm trung bình của các môn